

Kiến nghị sửa đổi quy định về quyền lợi có thể được bảo hiểm trong bảo hiểm nhân thọ dưới góc nhìn so sánh với pháp luật bảo hiểm Hoa Kỳ

Bạch Thị Nhã Nam

Tóm tắt—Quyền lợi có thể được bảo hiểm trong bảo hiểm nhân thọ là nguyên tắc cốt lõi để các bên thực hiện việc giao kết hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với người được bảo hiểm thì hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ký kết sẽ trở nên vô hiệu hoặc hợp đồng bảo hiểm nhân thọ sẽ chấm dứt khi bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm theo quy định Luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam. Thực tiễn giao kết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đã đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến quyền lợi có thể được bảo hiểm mà Luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam chưa đề cập hoặc quy định còn thiếu sót. Do đó, quy định pháp luật về quyền lợi có thể được bảo hiểm còn nhiều bất cập, không phù hợp với thực tiễn đời sống kinh doanh bảo hiểm. Trên cơ sở phân tích bất cập, và nghiên cứu pháp luật bảo hiểm Hoa Kỳ, tác giả đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với bảo hiểm nhân thọ trong Luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam.

Từ khóa—Quyền lợi có thể được bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh bảo hiểm, pháp luật bảo hiểm, Hoa Kỳ...

1. KHÁI QUÁT VỀ BẢO HIỂM NHÂN THỌ VÀ QUYỀN LỢI CÓ THỂ ĐƯỢC BẢO HIỂM TRONG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

1.1. Khái niệm về bảo hiểm nhân thọ

BẢO hiểm nhân thọ (BHNT) tuy đã xuất hiện khá lâu, bằng chứng lâu đời nhất về sự xuất hiện các hình thức sơ khai của BHNT là thời Babilon cổ đại¹, tuy nhiên ở thời gian đầu, BHNT

vẫn còn hết sức đơn giản, việc tham gia bảo hiểm chỉ là có mục đích tiết kiệm và tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng mà không phải là hoạt động kinh doanh. Mãi cho đến thế kỷ 18, nghiệp vụ BHNT đã phát triển nhanh chóng thông qua hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh BHNT đặc biệt là ở Vương quốc Anh và Hoa Kỳ.

Đến nay, khái niệm BHNT tồn tại đa dạng, và có nhiều cách tiếp cận khác nhau trong các lĩnh vực khoa học và trong hệ thống pháp luật ở các quốc gia trên thế giới. Dưới góc độ kinh tế học, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng “BHNT là hình thức bảo hiểm những rủi ro liên quan đến sinh mạng, cuộc sống và tuổi thọ của người được bảo hiểm”.² Định nghĩa này tuy rộng, khái quát và gắn chặt nghiệp vụ BHNT với rủi ro, tuy nhiên lại chưa đề cập đến tính tiết kiệm trong các sản phẩm BHNT.

Dưới khía cạnh luật học, nhiều quốc gia cũng đã đưa ra giải thích thuật ngữ BHNT trong đạo luật bảo hiểm. Luật Công ty bảo hiểm của New Zealand năm 1994 có đưa ra định nghĩa về BHNT là “*bảo hiểm bằng việc trả tiền cho cái chết của người được bảo hiểm (không loại trừ là do tai nạn hoặc có nguyên nhân bệnh tật hoặc đau ốm) hoặc do bất kỳ một sự cố ngẫu nhiên nào đó có tác động làm kết thúc hoặc duy trì cuộc sống của người được bảo*

¹ Pietro Masci, 2011, “The History of Insurance: Risk, Uncertainty and Entrepreneurship”, Journal of the Washington Institute of China Studies; Vol 6, No 1 (2011). Bài viết có thể được truy cập tại <https://www.bpastudies.org/bpastudies/article/view/153/296>, ngày 15/10/2018.

² Nguyễn Thị Hải Đường, 2006, “Một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam”, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, tr.7. Xem thêm Nguyễn Văn Định, 2008, Giáo trình bảo hiểm, NXB. Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, tr.432.

Ngày nhận bản thảo: 23-08-2018, ngày chấp nhận đăng: 25-10-2018, ngày đăng: 24-11-2018.

Tác giả Bạch Thị Nhã Nam, công tác tại Trường đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM (Email: nambtn@uel.edu.vn)

hiểm; dù lợi ích bảo hiểm đó có hoặc không thuộc hợp đồng bảo hiểm thương tật và bao gồm i) Một thỏa thuận pháp lý quy định việc trả phí bảo hiểm theo thời hạn phụ thuộc vào sự kết thúc hoặc tiếp tục sống của người được bảo hiểm và ii) Một công cụ đảm bảo một khoản trợ cấp định kỳ tùy thuộc vào việc duy trì cuộc sống của người được bảo hiểm”.³ Tuy nhiên sau đó, Đạo luật này bị bãi bỏ vào 07/03/2012, và bị thay thế bởi phần 240(b) của Đạo luật bảo hiểm 2010 (Số 111). Đạo luật bảo hiểm 2010 của New Zealand, không đưa ra khái niệm BHNT riêng biệt, mà thể hiện trong giải thích thuật ngữ về hợp đồng BHNT (Life policy).⁴ Theo đó, ngoài ý nghĩa liên quan đến việc trả tiền cho cái chết của người được bảo hiểm hoặc do bất kỳ một sự cố ngẫu nhiên nào đó có tác động làm kết thúc hoặc duy trì cuộc sống của người được bảo hiểm, BHNT còn mở rộng đến thương tật, sự ốm yếu tàn tật của người được bảo hiểm do tai nạn hoặc bệnh tật gây ra hoặc một tình trạng bệnh lý hay điều kiện sức khỏe đã được xác định của người được bảo hiểm. Đồng thời trong Đạo luật bảo hiểm 2010, hợp đồng BHNT còn mở rộng là các hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư và hợp đồng bảo hiểm tài khoản đầu tư. Điều này phản ánh sự phát triển của BHNT hiện nay, BHNT không chỉ phòng ngừa rủi ro cho sự kiện bảo hiểm của người được bảo hiểm, mà còn thể hiện tính tiết kiệm và là một khoản đầu tư của người mua BHNT.

Đạo luật BHNT Australia năm 1995 không đưa ra định nghĩa về BHNT, nhưng liệt kê hợp đồng bảo hiểm (HĐBH) nhân thọ bao gồm nhiều loại, trong đó đặc trưng nhất là thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) và người tham gia bảo hiểm mà theo đó, DNBH sẽ trả một khoản tiền phụ thuộc vào sự sống hoặc chấm dứt sự sống của người được bảo hiểm; khoản tiền này có thể trả một

lần hoặc hàng năm (niên kim); và một số HĐBH nhân thọ có thỏa thuận liên kết đầu tư. Để đảm bảo tính nhất quán của quy định, đạo luật này làm rõ các loại trừ: “Một hợp đồng không phải là HĐBH nhân thọ nếu theo các điều khoản của hợp đồng, thời hạn của hợp đồng là không quá một năm và chỉ thanh toán trong trường hợp chết do tai nạn hoặc chết do duy nhất một bệnh nhất định.”⁵

Nhóm tác giả John Birds và Norma J.Hird cũng đưa ra một định nghĩa khác về BHNT như sau: “BHNT có nhiều hình thức, cơ bản nhất là bảo hiểm cho cuộc sống của người được bảo hiểm mà theo đó, có một cam kết trả tiền khi người được bảo hiểm sống qua một độ tuổi nhất định, hoặc khi chết bất cứ khi nào trong thời gian bảo hiểm; hiện nay, BHNT có thể kết hợp với các hình thức đầu tư chứng khoán hoặc đầu tư vốn”.⁶ Định nghĩa này có ưu điểm là không những đề cập đến nội dung cốt lõi của nghiệp vụ BHNT mà còn đề cập đến tính tiết kiệm là một đặc trưng quan trọng trong hầu hết các sản phẩm BHNT hiện nay. Tuy nhiên, định nghĩa này chưa thật khái quát, hay nói cách khác, nó chỉ là quan niệm về BHNT trong những trường hợp cụ thể.

Theo từ điển luật học của tác giả Bryan A.Garner⁷, BHNT không được giải thích riêng biệt mà được nêu trong khái niệm về hợp đồng BHNT. Hợp đồng BHNT là một thỏa thuận giữa một DNBH (hoặc giữa các DNBH đồng bảo hiểm) để trả một số tiền quy định cho người thụ hưởng được chỉ định về cái chết của người được bảo hiểm. Tác giả cũng giải thích cụ thể bằng cách dẫn chiếu một bản án của tòa án Hoa Kỳ cho rằng: Hợp đồng BHNT được xác định là hợp đồng mà trong đó một bên đồng ý bồi thường thương tật do tai nạn hoặc tử vong do bất kỳ nguyên nhân không dự kiến trong hợp đồng. Chính xác hơn, hợp đồng BHNT không có bản chất là một thỏa thuận bồi thường, nhưng là một cam kết tuyệt đối để trả một khoản tiền nhất định vào cuối thời hạn hoặc không xác định thời hạn⁸. Định nghĩa này đã tách biệt nhau ở hai phần, phần đầu là định nghĩa về bảo hiểm tử kỳ thuần túy, phần sau lại định nghĩa về sản phẩm bảo hiểm sinh kỳ và bảo hiểm hỗn hợp.

³ Tại điều 2.1 Giải thích thuật ngữ, Đạo luật Công ty bảo hiểm New Zealand 1994 (Insurance Companies (Ratings and Inspections) Act 1994). Nguyên văn “life insurance means insurance for the payment of money on the death of any person (not being death by accident or as the result of a specified sickness or disease) or on the occurrence of any contingency dependent on the termination or continuance of human life, whether or not a benefit is included under a continuous disability insurance contract; and includes—

(a) an instrument that evidences a contract that is subject to the payment of premiums for a term dependent on the termination or continuance of human life; and

(b) an instrument securing the grant of an annuity for a term dependent on the continuance of human life”

⁴ Phần 84(1), Đạo luật bảo hiểm 2010 (Số 111). Nguyên văn có thể xem tại: <http://www.legislation.govt.nz/act/public/2010/0111/latest/DLM2478381.html#DLM2478381>, truy cập ngày 01/11/2018.

⁵ Phần 9, Đạo luật bảo hiểm nhân thọ Australia 1995. Nguyên văn có thể xem tại: http://classic.austlii.edu.au/au/legis/cth/consol_act/lia1995144/s9.html, truy cập ngày 01/11/2018.

⁶ John Birds and Norma J.Hird, 2004, Modern Insurance Law, Sweet & Maxwell Press, London, U.K, tr.9.

⁷ Bryan A.Garner, 1999, Black’s Law Dictionary, Nxb West Publishing Co., Hoa Kỳ, tr.806.

⁸ Tương tự như chú thích 6.

Ở Việt Nam, Luật kinh doanh bảo hiểm (KDBH) có đưa ra giải thích đối với thuật ngữ BHNT như sau: “*Bảo hiểm nhân thọ là loại nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống hoặc chết*”.⁹ Tại khoản 1, điều 7 của Luật kinh doanh bảo hiểm cũng đã liệt kê các nghiệp vụ BHNT như: Bảo hiểm sinh kỳ, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm trả tiền định kỳ, bảo hiểm liên kết đầu tư... So sánh với các giải thích và quy định về BHNT trong hệ thống pháp luật của các quốc gia khác, cách giải thích này còn khá sơ sài, có nhiều hạn chế như chưa làm rõ được đối tượng bảo hiểm cũng như sự kiện bảo hiểm thực sự là gì, cũng như chưa nêu được đặc trưng phổ biến của hầu hết các sản phẩm BHNT là tính tiết kiệm đối với người tham gia bảo hiểm.

Tóm lại, khi đề cập đến bảo hiểm nhân thọ, cách hiểu phổ biến nhất của BHNT là loại nghiệp vụ bảo hiểm cho cuộc sống của người được bảo hiểm mà theo đó, có một cam kết trả tiền khi người được bảo hiểm sống qua một độ tuổi nhất định, hoặc khi chết bất cứ khi nào trong thời gian bảo hiểm. Đặc biệt hiện nay, BHNT ngoài mục đích bảo hiểm rủi ro, BHNT còn được xem làm công cụ đầu tư phổ biến để dịch chuyển rủi ro và tổn thất từ những cái chết không lường trước được của bên tham gia bảo hiểm.¹⁰ Nói một cách khác, BHNT góp phần làm gia tăng lợi ích từ số tiền phí bảo hiểm cho người tham gia bảo hiểm, do đó có nhiều sản phẩm BHNT được thiết kế nhằm nổi bật yếu tố tiết kiệm và đầu tư như là sản phẩm BHNT liên kết đầu tư.

1.2. Quyền lợi có thể được bảo hiểm trong bảo hiểm nhân thọ

Tại Anh, quyền lợi có thể được bảo hiểm trong hợp đồng BHNT được xem là một học thuyết pháp lý quan trọng, có lịch sử ra đời vào năm 1774,¹¹ khi lần đầu tiên được quy định trong đạo luật bảo hiểm

nhân thọ của Anh¹². Theo học thuyết này, một hợp đồng BHNT được giao kết mà không có quyền lợi được bảo hiểm đối với sự sống của người được bảo hiểm, thì hợp đồng đó bị xem là một trò cá cược và bị vô hiệu.

Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời các quy định về quyền lợi có thể được bảo hiểm trong hợp đồng BHNT là bối cảnh cuối thế kỷ 18 ở Anh đã diễn ra hàng loạt các vụ cá cược thông qua việc giao kết hợp đồng BHNT liên quan đến cái chết của người được bảo hiểm trong đó họ là những bị can, bị cáo trong vụ án hình sự hoặc phải thi hành hình phạt tù, trong khi đó bên mua bảo hiểm không có quyền lợi được bảo hiểm với họ. Một cách rõ ràng, mục đích của việc giao kết hợp đồng bảo hiểm là nhằm đến chức năng xã hội của bảo hiểm, nhằm giảm thiểu tổn thất khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, chứ không phải là mang đến một cơ hội làm giàu cho bên mua bảo hiểm trên cơ sở cá cược sinh mạng của người được bảo hiểm.¹³ Do đó, nhằm mục đích ngăn chặn các hành vi nhằm trục lợi bảo hiểm như trên, Nghị viện Anh đã ban hành quy định về quyền lợi bảo hiểm liên quan đến tính hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm. Quyền lợi có thể được bảo hiểm chỉ ra rằng, người được bảo hiểm muốn mua bảo hiểm phải có một quyền lợi bảo hiểm nào đó xác định, một cách cụ thể được hiểu là khi người được bảo hiểm gặp rủi ro do sự kiện bảo hiểm xảy ra thì điều này sẽ gây tổn thất về tài chính hoặc vật chất cho bên mua bảo hiểm. Bên mua có quyền lợi có thể được bảo hiểm với người được bảo hiểm thì bên mua mới được giao kết HĐBH cho đối tượng bảo hiểm trên. Trong BHNT, thì việc duy trì sự sống của người được bảo hiểm có ý nghĩa lớn đối với bên mua bảo hiểm, khi người được bảo hiểm không may gặp rủi ro về tính mạng, không duy trì sự sống được nữa, bên mua sẽ bị thiệt hại lớn về tài chính. Điều này thiết lập nên quyền lợi được bảo hiểm, cho phép bên mua giao kết hợp đồng bảo hiểm liên quan đến sự sống hay cái chết của người được bảo hiểm, nhằm phòng ngừa rủi ro tài chính khi sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với người được bảo hiểm.

Ở Mỹ, quyền lợi có thể được bảo hiểm trong hợp đồng BHNT được áp dụng đầu tiên bởi các Tòa

⁹ Xem Khoản 12 Điều 3 Luật Kinh doanh bảo hiểm Việt Nam. Luật Kinh doanh bảo hiểm Việt Nam được ban hành lần đầu 2000, và sửa đổi bổ sung một số điều vào 2010.

¹⁰ Peter Nash Swisher, 2005, The insurable interest requirement for life insurance: a critical reassessment, *Drake Law Review*.478, Vol.53, 2004-2005, tr 477- tr543.

¹¹ Đạo luật bảo hiểm nhân thọ Anh 1774 (Life Assurance Act, 1774). Nguyên văn của quy định ...“*from and after the passing of this Act, no Insurance shall be made by any Person or Persons, Bodies Politick or Corporate, on the life or lives of any Person or Persons...wherein the Person or Persons for whose Use, Benefit, or on whose Account such Policy or Policies shall be made, shall have no Interest, or by way of Gaming or Wagaring; and that every Assurance made, contrary to the true intent and meaning hereof, shall be null and void, to all Intents and Purposes whatsoever.*”

¹² Trước đó, vào năm 1746, vấn đề quyền lợi có thể được bảo hiểm đã được quy định trong đạo luật bảo hiểm hàng hải Anh 1746, và được giữ lại trong đạo luật bảo hiểm hàng hải Anh 1906.

¹³ Robert H.Jerry, II, Douglas R.Richmond, 2012, *Understanding Insurance Law*, 5th Edn, LexisNexis, tr.255.

án,¹⁴ sau đó được đưa vào đạo luật bảo hiểm của hơn 40 tiểu bang.¹⁵ Việc thừa nhận học thuyết quyền lợi có thể được bảo hiểm ở Mỹ được xem là ảnh hưởng từ các đạo luật bảo hiểm của Anh, tuy nhiên ở các bang của Mỹ chưa ban hành quy định này, thì việc tòa án áp dụng học thuyết này trong quá trình xét xử được lý giải là áp dụng các nguyên tắc được thừa nhận trong thông luật.¹⁶ Điểm chung trong đạo luật bảo hiểm của các tiểu bang đều quy định quyền lợi có thể được bảo hiểm trong hợp đồng BHNT dựa trên cơ sở mối quan hệ giữa bên mua bảo hiểm và đối tượng được bảo hiểm bao gồm:¹⁷ i) Mối quan hệ trên cơ sở huyết thống, hoặc do pháp luật quy định, tồn tại những lợi ích thiết yếu tạo ra bởi tình cảm và sự yêu mến (love and affection), ii) Mối quan hệ lợi ích kinh tế hợp pháp (lawful) và Thiết yếu (substantial) đối với việc duy trì cuộc sống, sức khỏe, an toàn thân thể của người được bảo hiểm.¹⁸ Trong pháp luật bảo hiểm Hoa Kỳ khi đề cập đến quyền lợi bảo hiểm con người, sẽ áp dụng chung đối với bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm sức khỏe con người.¹⁹ Đối với bảo hiểm nhân thọ, việc áp dụng quy định này sẽ được hiểu là xem xét quyền lợi được bảo hiểm đối với việc duy trì cuộc sống của người được bảo hiểm. Đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ mang tính chất kết hợp với bảo hiểm sức khỏe hay tai nạn con người ngày nay, thì quyền lợi được bảo hiểm trong các hợp đồng bảo hiểm trên sẽ mở rộng không chỉ xem xét đến việc duy trì cuộc sống, mà còn sức khỏe và an toàn thân thể của người được bảo hiểm.

Mặc dù được luật hóa trong đạo luật, tuy nhiên cách quy định này vẫn chung chung, trừu tượng,

¹⁴ Những bản án đầu tiên đề cập đến quyền lợi có thể được bảo hiểm là *Common Wealth Life Ins. Co v. George*, 28 So.2d 910, 912 (Ala.1947), *Boyer v. US Fid. & Guar. Co.*, 274 P.57, 60 (Cal.1929), *Home Life Ins. Co. of N.Y v. Masterson*, 21 S.W.2d 414, 416 (Ark.1929)...

¹⁵ Robert H.Jerry, II, Douglas R.Richmond, 2012, *Understanding Insurance Law*, 5th Edn, LexisNexis, tr.258.

¹⁶ Xem phán quyết vụ *Conn.Mut.Life Ins. Co. v. Schaefer*, 94 U.S.460 (1876)

¹⁷ Robert H.Jerry, II, Douglas R.Richmond, tr.292 – tr.293. Xem thêm bản án *Warnock v. Davis*, 104 U.S 775, 779 (1881).

¹⁸ Xem thêm đạo luật bảo hiểm 2000 của tiểu bang New York, phần 3205 (a) (1), giải thích thuật ngữ “insurable interest” – quyền lợi được bảo hiểm. truy cập tại <https://codes.findlaw.com/ny/insurance-law/isc-sect-3205.html>, ngày 17/10/2018.

¹⁹ Xem thêm đạo luật bảo hiểm 2000 của tiểu bang New York, phần 3205 (a) (2) và 3205 (a) (3). Nguyên văn: “(2): *The term “contract of insurance upon the person” includes any policy of life insurance and any policy of accident and health insurance;* (3) *The term “person insured” means the natural person, or persons, whose life, health or bodily safety is insured.*

nội dung cụ thể của đạo luật sẽ được làm rõ qua các bản án, do đó điều kiện áp dụng của quy định tùy thuộc vào cách giải thích của thẩm phán các tiểu bang khác nhau trong mỗi vụ án có liên quan. Ví dụ quyền lợi được bảo hiểm trong các mối quan hệ gia đình bao gồm quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ và con cái và những mối quan hệ khác giữa các thành viên trong gia đình như anh chị em ruột, cha mẹ vợ - con rể, cha mẹ chồng - con dâu có được chấp nhận là tồn tại quyền lợi được bảo hiểm không?... hay quyền lợi được bảo hiểm trong mối quan hệ lợi ích kinh tế hợp pháp bao gồm: giữa các đối tác kinh doanh, giữa doanh nghiệp - nhân viên nắm giữ vị trí quan trọng, giữa chủ nợ - con nợ... Những nội dung này sẽ được phân tích rõ hơn ở phần tiếp theo của bài viết.

Việc tạo ra học thuyết quyền lợi có thể được bảo hiểm của các nhà lập pháp nhằm hai mục đích: i) Không khuyến khích việc tham gia bảo hiểm như các trò cá cược (gambling or wagering); ii) Xóa bỏ những ý nghĩ tiêu cực của bên mua bảo hiểm trong việc hủy bỏ tài sản hoặc tính mạng của người được bảo hiểm để nhận tiền bảo hiểm. Hơn nữa đối với phía DNBH, rủi ro trong HĐBH sẽ gia tăng rất nhiều nếu bán bảo hiểm cho các đối tượng không có quyền lợi được bảo hiểm với tính mạng hay tài sản được bảo hiểm trong hợp đồng, do đó doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không giao kết hợp đồng bảo hiểm với các bên mua không có quyền lợi được bảo hiểm để đảm bảo tốt nhất lợi ích của doanh nghiệp bảo hiểm.

Tóm lại, quyền lợi có thể được bảo hiểm theo pháp luật bảo hiểm của Anh, Hoa Kỳ được hiểu là khi bên mua bảo hiểm nhận được một lợi ích về vật chất hay những lợi ích khác dựa trên sự tiếp tục tồn tại của đối tượng được bảo hiểm, cụ thể ở đây chính là cuộc sống của người được bảo hiểm trong BHNT. Vì vậy, một người có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với người được bảo hiểm khi cái chết của người được bảo hiểm sẽ gây ra những tổn thất về vật chất đối với người đó. Trong bảo hiểm nhân thọ, bên mua bảo hiểm được coi là người có quyền lợi có thể được bảo hiểm nếu đối tượng bảo hiểm là chính bản thân họ hoặc đối tượng được bảo hiểm là những người mà họ có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng hoặc những đối tượng mà có sự gắn kết về lợi ích kinh tế giữa bên mua bảo hiểm và tính mạng, sự sống của người được bảo hiểm.

Trong Luật KDBH Việt Nam, quyền lợi có thể được bảo hiểm được giải thích tại khoản 9 Điều 3 Luật kinh doanh bảo hiểm “KDBH”: “*Quyền lợi có*

thể được bảo hiểm là quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền tài sản; quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với đối tượng được bảo hiểm.” Từ quy định chung trên áp dụng cho các loại hình bảo hiểm, đối với bảo hiểm nhân thọ liên quan đến sự sống hay cái chết của người được bảo hiểm,²⁰ quyền lợi có thể được bảo hiểm thể hiện mối quan hệ giữa bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm, đề cập đến “*quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với đối tượng được bảo hiểm*”. Vì vậy, trong BHNT, người mua bảo hiểm được coi là người có quyền lợi có thể được bảo hiểm nếu người được bảo hiểm là chính bản thân họ hoặc người được bảo hiểm là những người mà họ có quan hệ về nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng²¹. Khoản 2, Điều 31 Luật KDBH làm rõ các đối tượng mà bên mua BHNT có quyền lợi có thể bảo hiểm đối với:

- Bản thân bên mua bảo hiểm;
- Vợ, chồng, con, cha, mẹ của bên mua bảo hiểm;
- Anh chị em ruột, người có quan hệ nuôi dưỡng và cấp dưỡng;
- Người khác nếu bên mua bảo hiểm có quyền lợi được bảo hiểm

Dựa vào quy định trên, mối quan hệ giữa người mua bảo hiểm và người được bảo hiểm trong BHNT áp dụng với những đối tượng có mối quan hệ huyết thống (cha, mẹ, anh, chị, em ruột), mối quan hệ trong gia đình (vợ - chồng) và mối quan hệ nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Luật KDBH Việt Nam không đưa ra giải thích đối với cụm từ “*quan hệ nuôi dưỡng và cấp dưỡng*”. Tham khảo trong Luật hôn nhân gia đình 2014,²² mối quan hệ nuôi dưỡng, cấp dưỡng cũng thể hiện xoay quanh các mối quan hệ trong hôn nhân, gia đình và huyết thống. Cụ thể, khoản 24 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Cấp dưỡng là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên, người đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình hoặc người gặp khó khăn, túng thiếu theo quy định của Luật này.*” Nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định

tại khoản 1 Điều 107, Luật hôn nhân và gia đình 2014: “*Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; giữa anh, chị, em với nhau; giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột; giữa vợ và chồng theo quy định của Luật này*”. Theo quy định, mối quan hệ cấp dưỡng được cụ thể hóa trên cơ sở các mối quan hệ trong gia đình, ngoài quan hệ hôn nhân vợ chồng, và quan hệ huyết thống anh chị em ruột, cha mẹ - con cái, thì các mối quan hệ thân cận gần gũi khác trong gia đình như giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột cũng có thể tồn tại quan hệ cấp dưỡng. Tuy nhiên, đây chỉ là cách giải thích có thể tham khảo dựa trên Luật hôn nhân gia đình trên cơ sở xem xét quy định pháp luật tương tự. Khi tranh chấp bảo hiểm trên thực tế xảy ra, Tòa án cũng có thể đưa ra một giải thích khác biệt về quan hệ nuôi dưỡng và cấp dưỡng so với Luật hôn nhân gia đình. Thiết nghĩ, việc giải thích thuật ngữ nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên được đề cập rõ trong Luật KDBH Việt Nam.

Luật KDBH Việt Nam cũng quy định vấn đề quyền lợi được bảo hiểm liên quan đến tính hiệu lực của hợp đồng, cụ thể, trong trường hợp bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với người được bảo hiểm thì hợp đồng bảo hiểm được ký kết sẽ trở nên vô hiệu theo quy định tại khoản 1 điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm²³, hoặc hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt khi bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm theo quy định tại khoản 1, điều 23 Luật kinh doanh bảo hiểm²⁴. Như vậy, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, người được bảo hiểm phải có quyền lợi được bảo hiểm mới được doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường, nếu không còn hoặc không có quyền lợi có thể được bảo hiểm, thì doanh nghiệp bảo hiểm sẽ viện dẫn hậu quả pháp lý theo khoản 1, Điều 23 và khoản 1, Điều 22 nói trên để từ chối bồi thường.

Luật KDBH Việt Nam đã lựa chọn cách quy định liệt kê các mối quan hệ giữa người mua bảo hiểm và người được bảo hiểm, mà theo đó người mua được cho là có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với đối tượng bảo hiểm dựa trên các quan hệ với

²⁰ Thuật ngữ “bảo hiểm nhân thọ” được giải thích tại khoản 12, Điều 3, Luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam

²¹ TS. Phạm Văn Tuyết, 2007, *Bảo hiểm và kinh doanh bảo hiểm theo pháp luật Việt Nam*, NXB Tư pháp.

²² Luật hôn nhân gia đình Việt Nam, số 52/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

²³ Điều 22. “1. Hợp đồng bảo hiểm vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a) Bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm;”

²⁴ Điều 23.1. “Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự, hợp đồng bảo hiểm còn chấm dứt trong các trường hợp sau đây: 1. Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm;”

đối tượng bảo hiểm được pháp luật công nhận tại khoản 2, điều 31. Việc bên mua bảo hiểm có quyền lợi có thể bảo hiểm đối với chính bản thân bên mua bảo hiểm là một điều hiển nhiên và không có gì gây tranh cãi, pháp luật bảo hiểm của nhiều quốc gia cũng thừa nhận quyền lợi không giới hạn này.

Đối với các mối quan hệ còn lại được liệt kê tại khoản 2, điều 31, cần làm rõ hơn nữa các trường hợp này trong thực tiễn áp dụng. Ví dụ như mối quan hệ vợ chồng trong thực tiễn ngày nay, có sự sống chung và đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, giữa họ có quyền lợi được bảo hiểm không? Hay trường hợp đối với các cặp đã đính hôn và làm lễ cưới nhưng chưa hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, giữa họ có quyền lợi được bảo hiểm không? Trường hợp ly hôn của vợ chồng có dẫn đến chấm dứt tuyệt đối quyền lợi được bảo hiểm? Liệu cha mẹ chồng/ vợ có quyền lợi được bảo hiểm đối với con rể/ dâu hay không? Liệu anh, chị em ruột đã đủ điều kiện để mua bảo hiểm nhân thọ cho nhau? Liệu ông bà nội, ông bà ngoại có thể mua bảo hiểm nhân thọ cho cháu và ngược lại? Liệu cô, dì, chú, cậu, bác ruột có thể mua bảo hiểm nhân thọ cháu ruột và ngược lại? Hoặc giải thích nào là phù hợp để làm rõ “*Người khác nếu bên mua bảo hiểm có quyền lợi được bảo hiểm*” tại Điều 31.2(d)?.

Có thể nói, cách quy định liệt kê này tuy đơn giản, nhưng lại không khái quát hóa các thực tiễn trong giao kết hợp đồng bảo hiểm và sẽ gây khó khăn cho Tòa án trong việc xét xử những tình huống mà pháp luật đã không dự liệu trong quá trình liệt kê cụ thể trên. Điều này khiến các bên trong hợp đồng BHNT đã gặp phải không ít vướng mắc trong quá trình áp dụng quy định pháp luật. Phần tiếp theo của bài viết sẽ làm rõ các nội dung bất cập này, và đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

2. NHỮNG BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN ĐỐI VỚI QUY ĐỊNH QUYỀN LỢI CÓ THỂ ĐƯỢC BẢO HIỂM TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO HIỂM NHÂN THỌ

2.1. Vấn đề xem xét các mối quan hệ phát sinh quyền lợi được bảo hiểm

Làm rõ các điều kiện xác định sự tồn tại quyền lợi được bảo hiểm trong mối quan hệ gia đình

Trong các mối quan hệ gia đình, khi tình cảm, mức độ yêu thương và sự gắn kết giữa người mua bảo hiểm và người được bảo hiểm càng cao, thì

quyền lợi được bảo hiểm sẽ càng cao. Nếu người được bảo hiểm mất, điều này sẽ gây ra tổn thất lớn cho bên mua bảo hiểm (hoặc bên thụ hưởng được chỉ định). Do vậy, trong mối quan hệ vợ - chồng hợp pháp, hay mối quan hệ cha mẹ ruột - con ruột đều tồn tại quyền lợi được bảo hiểm, nên các đối tượng này đều có thể mua BHNT cho nhau. Điều này đã được khẳng định rõ ràng trong luật KDBH Việt Nam.

Tuy nhiên trên thực tiễn, có những người đang chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù đủ điều kiện kết hôn, hoặc trường hợp thứ hai hai bên vợ - chồng đã làm đám cưới trên thực tế nhưng chưa hoàn tất thủ tục xin cấp giấy đăng ký kết hôn tại thời điểm mua bảo hiểm, liệu có tồn tại quyền lợi có thể được bảo hiểm trong mối quan hệ giữa họ hay không?

Về hình thức, họ chung sống như vợ chồng không có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn cấp, nên xét về quan hệ nhân thân, giữa họ không phát sinh quan hệ hôn nhân.²⁵ Theo luật KDBH hiện hành, giữa họ không có mối quan hệ vợ - chồng nên không tồn tại quyền lợi có thể được bảo hiểm. Tuy nhiên, cần xem xét một thực tế nếu người được bảo hiểm gặp rủi ro do sự kiện bảo hiểm xảy ra về tính mạng thì liệu sự kiện này có gây tổn thất về tinh thần và thậm chí tài chính nào đó cho người còn lại trong mối quan hệ chung sống như vợ chồng nói trên không? Như vậy, giữa họ có thể có quyền lợi được bảo hiểm hay không? Đây là câu hỏi mà pháp luật bảo hiểm của Việt Nam còn bỏ ngỏ. Trong khi đó, nếu xem xét tình huống giữa hai người vợ chồng hợp pháp theo pháp luật nhưng họ không chung sống với nhau trên thực tế và không có mối liên hệ về tình cảm, vật chất với nhau, vậy dù pháp luật cho phép họ có thể mua bảo hiểm nhân thọ cho nhau, nhưng liệu có tồn tại quyền lợi có thể được bảo hiểm trong trường hợp này không? Như vậy, thiết nghĩ phải xem xét mối quan hệ vợ chồng trên phương diện được pháp luật thừa nhận và cả trên phương diện chung sống thực tế với nhau duy trì đời sống vợ chồng, tồn tại tình cảm, sự yêu mến lẫn nhau.

Xem xét một tình huống thực tế sau²⁶ của bà H tham gia 1 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trọn đời cho chồng mới cưới là ông V (hai người đã tổ chức

²⁵ Xem khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

²⁶ Tình huống dựa trên thông tin được đăng tải tại trang báo Pháp luật: <http://plo.vn/thoi-su/thang-kien-doi-bao-hiem-nhan-tho-cua-chong-qua-co-359368.html>, truy cập ngày 17/10/2018.

đám cưới và đang hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn) thông qua anh T là đại lý bảo hiểm của công ty bảo hiểm Prudential, thống nhất các điều khoản cơ bản của hợp đồng: Người thụ hưởng là bà H, số tiền bảo hiểm: 900 triệu đồng khi có sự kiện bảo hiểm chết xảy ra. Sau khi đóng phí bảo hiểm được một kỳ, ông V về quê và bất ngờ qua đời tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn (Bình Định). Sau cái chết của chồng, bà H đã nộp giấy tờ yêu cầu và Prudential đã lập hồ sơ để giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, Prudential từ chối chi trả số tiền bảo hiểm với lý do sau khi giao kết hợp đồng, đại lý bảo hiểm có yêu cầu bà H xuất trình giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nhưng vì đang trong giai đoạn xác minh tình trạng hôn nhân của ông V nên cơ quan nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho hai người, nên hồ sơ khi giao kết hợp đồng không có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Prudential cho rằng H không có quyền lợi được bảo hiểm với V tại thời điểm giao kết nên hợp đồng này vô hiệu và công ty không có nghĩa vụ phải thực hiện trách nhiệm bồi thường. Trong tình huống này, Tòa án đã phân xử có lợi cho bà H khi cho rằng việc không đầy đủ giấy tờ xuất trình trong tình huống này là lỗi của đại lý bảo hiểm, nên DNBH vẫn phải có trách nhiệm bồi thường cho bà H khi đã chấp nhận giao kết hợp đồng. Cách phân xử của Tòa đã bảo vệ quyền lợi của bên yếu thế khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, tuy nhiên, Tòa đã không giải quyết vấn đề xác định liệu quyền lợi có thể được bảo hiểm (dựa trên lập luận của Prudential) có tồn tại hay không, trong tình huống này. Theo tác giả, dựa trên bản chất mối quan hệ giữa bà H và ông V, Tòa hoàn toàn có cơ sở để xem xét thực sự tồn tại quyền lợi được bảo hiểm giữa bà H và ông V. Tòa án Hoa Kỳ trong các tình huống tương tự đã dựa trên sự phân tích liệu có sự phụ thuộc kinh tế giữa các bên hay không? Sự hỗ trợ kinh tế của bên được bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm sẽ được duy trì khi bên được bảo hiểm tiếp tục sống, điều này tạo ra quyền lợi được bảo hiểm, dù mối quan hệ trên không có cơ sở từ quy định pháp luật để xác định là mối quan hệ vợ chồng hợp pháp.²⁷

Một cách áp dụng tương tự trong trường hợp vợ chồng đã ly hôn, quyền lợi bảo hiểm trong hợp đồng BHNT sẽ không chấm dứt ngay mà còn tùy thuộc giữa các bên có trách nhiệm tài chính hay sự hỗ trợ kinh tế nào, hoặc nghĩa vụ nuôi dưỡng con

cái, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng giữa các bên hay không. Nếu vẫn tồn tại những lợi ích kinh tế này, thì quyền lợi được bảo hiểm trong hợp đồng BHNT đã giao kết trước đó không chấm dứt hiệu lực.²⁸

Trong mối quan hệ anh chị em ruột, pháp luật bảo hiểm Hoa Kỳ không thừa nhận hiển nhiên tồn tại quyền lợi được bảo hiểm. Trừ mối quan hệ cha mẹ ruột - con cái, vợ - chồng, quyền lợi được bảo hiểm trong các mối quan hệ gia đình khác chỉ xuất hiện khi đi kèm với sự phụ thuộc kinh tế, hoặc là nghĩa vụ nuôi dưỡng, hoặc một trách nhiệm tài chính nào đó giữa người mua bảo hiểm và người được bảo hiểm. Do đó, trong các mối quan hệ gia đình như anh chị em ruột, cha mẹ nuôi - con nuôi, cha mẹ vợ/chồng - con dâu/rể, ông bà nội, ông bà ngoại - cháu ruột; cô, dì, chú, cậu, bác ruột - cháu ruột... để thiết lập quyền lợi được bảo hiểm trong các mối quan hệ trên, nhất thiết giữa các bên phải tồn tại nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng, sự phụ thuộc kinh tế... thì mới tồn tại quyền lợi được bảo hiểm. Luật KDBH Việt Nam có đề cập đến nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng trong việc xác định quyền lợi được bảo hiểm giữa bên mua bảo hiểm và bên được bảo hiểm, nhưng chưa làm rõ trong các mối quan hệ cụ thể và cách hiểu phù hợp đối với nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Như vậy, một cách rõ ràng, trong các mối quan hệ gia đình ngoài các trường hợp là vợ chồng hợp pháp, cha mẹ đẻ - con đẻ thì tồn tại quyền lợi được bảo hiểm, trong các mối quan hệ khác cần phải được làm rõ quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng, hay sự phụ thuộc về kinh tế giữa bên mua bảo hiểm đối với bên được bảo hiểm. Do đó, tác giả kiến nghị Luật KDBH Việt Nam nên nêu rõ giải thích thuật ngữ nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng trong quy định về quyền lợi được bảo hiểm theo hướng tiếp cận với pháp luật bảo hiểm Hoa Kỳ như đã phân tích trên.

Mở rộng các mối quan hệ áp dụng quyền lợi được bảo hiểm trong BHNT

Cách quy định liệt kê các mối quan hệ giữa bên mua bảo hiểm và đối tượng được bảo hiểm trong Luật KDBH Việt Nam đã hạn chế đối tượng được bảo hiểm trong BHNT, vì chỉ cho phép thiết lập mối quan hệ giữa người mua bảo hiểm và người được bảo hiểm xoay quanh các mối quan hệ gia đình, huyết thống và mối quan hệ gắn liền với

²⁷ John Appleman & Jean Appleman, (2d Edn 1966 & Supp.2004), Insurance law and practice, tr.243.

²⁸ Xem phán quyết vụ án Lynch v. Bogenrief, 237 N.W.2d 793, 797 (Iowa 1976).

quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Luật KDBH đã bỏ qua việc quy định quyền lợi được bảo hiểm thiết lập dựa trên mối quan hệ lợi ích kinh tế hợp pháp đối với việc duy trì cuộc sống của người được bảo hiểm trong các mối quan hệ xã hội khác như quan hệ vay nợ giới hạn trong khoản nợ, quan hệ giữa chủ sử dụng lao động và người lao động, quan hệ giữa các đối tác kinh doanh như pháp luật kinh doanh bảo hiểm Hoa Kỳ²⁹ và các nước khác.

Một cách cụ thể, trong quan hệ vay nợ, bên cho vay có quyền lợi có thể bảo hiểm đối với cuộc sống của bên đi vay, nếu bên vay gặp vấn đề về tính mạng hay sức khỏe và không có khả năng trả nợ cho bên cho vay, khi đó theo hợp đồng BHNT, chủ nợ được chỉ định là người thụ hưởng số tiền bảo hiểm trong hợp đồng BHNT nói trên, DNBH sẽ chi trả số tiền bảo hiểm cho chủ nợ. Giá trị số tiền bảo hiểm theo hợp đồng này sẽ bị giới hạn trong giá trị khoản nợ.³⁰ Việc chi trả số tiền bảo hiểm này nhằm khôi phục lại khoản nợ của con nợ cho chủ nợ, tránh tổn thất tài chính khi con nợ rơi vào tình huống không khả năng trả nợ cho chủ nợ. Việc giới hạn số tiền bảo hiểm này được tòa án giải thích, nguyên tắc chi trả số tiền bảo hiểm trong các hợp đồng BHNT giữa chủ nợ và con nợ trên cơ sở nguyên tắc bồi thường, tức giá trị khoản nợ tại thời điểm người được bảo hiểm chết, khác biệt với trường hợp hợp đồng BHNT mua cho chính mình, hay các mối quan hệ gia đình khác, việc chi trả số tiền bảo hiểm trên cơ sở nguyên tắc khoán. Do đó, những trường hợp thỏa thuận chi trả số tiền bảo hiểm vượt nhiều lần giá trị khoản nợ, hợp đồng BHNT đó sẽ bị xem là vô hiệu vì có dấu hiệu trục lợi.³¹ Tuy nhiên trong một số bản án khác tại Hoa Kỳ, tòa án đã cho phép số tiền bảo hiểm được chi trả vượt quá giá trị khoản nợ, khi chính con nợ mua bảo hiểm nhân thọ cho mình và chỉ định chủ nợ là người thụ hưởng trong hợp đồng BHNT, thì chủ nợ sẽ được hưởng toàn bộ số tiền bảo hiểm vì hợp đồng BHNT này thể hiện ý định ngay từ đầu của các bên trong giao kết hợp đồng.³² Trong trường hợp chủ nợ là bên mua BHNT cho con nợ và đồng

thời là đối tượng thụ hưởng của hợp đồng, xem xét trên cơ sở thiện chí của chủ nợ khi giao kết hợp đồng, số tiền bảo hiểm sẽ vẫn được chi trả cho chủ nợ, tuy nhiên sẽ không vượt quá giá trị khoản nợ, cộng với phí bảo hiểm và tiền lãi phát sinh; phần còn lại trong số tiền bảo hiểm sẽ được xem là di sản của người được bảo hiểm.³³

Trong các quan hệ khác như quan hệ giữa chủ sử dụng lao động và người lao động, khi mà người lao động có những tổn hại về tính mạng, sức khỏe thì người sử dụng lao động sẽ phải chịu những tổn thất về mặt tài chính. Đó có thể là những chi phí đào tạo nhân lực có khả năng đảm trách công việc đó, chi phí thuê tuyển người lao động mới thay thế vị trí lao động cũ... Không chỉ bản thân người lao động gánh chịu tổn thất khi rủi ro về tính mạng, tai nạn xảy ra mà cả người sử dụng lao động cũng chịu tổn thất vật chất. Nếu người lao động đảm trách những vị trí càng cao và quan trọng trong doanh nghiệp, hay những công việc có tính chất chuyên môn, kỹ thuật riêng biệt đòi hỏi sự đào tạo của đơn vị... thì rõ ràng những tổn thất của doanh nghiệp sẽ càng lớn hơn. Do đó, trong mỗi quan hệ này, người sử dụng lao động có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với người lao động, tuy nhiên cần xem xét đến tính chất công việc, vị trí của người lao động trong doanh nghiệp và tùy thuộc vào thỏa thuận cụ thể của từng hợp đồng lao động. Thông thường hợp đồng BHNT được giao kết trong các tình huống này chỉ được áp dụng đối với các nhân viên nắm giữ vị trí quan trọng, chủ chốt trong hoạt động doanh nghiệp, có nhiều ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của doanh nghiệp, do đó cái chết của họ sẽ gây ảnh hưởng kinh tế trầm trọng đến doanh nghiệp.³⁴

Trên cơ sở phân tích các mối quan hệ phát sinh quyền lợi được bảo hiểm trong BHNT nêu trên, Luật KDBH Việt Nam nên xem xét lại giải thích thuật ngữ “quyền lợi có thể được bảo hiểm” và mở rộng các mối quan hệ xã hội khác vượt ra ngoài giới hạn của gia đình, huyết thống để đáp ứng nhu cầu tham gia bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam và phù hợp với pháp luật nhiều quốc gia khác trên thế giới. Pháp luật cần quy định những yếu tố cơ bản để xác định có tồn tại quyền lợi được bảo hiểm hay không

²⁹ Robert H.Jerry, II, Douglas R.Richmond, tr.313 – tr.314. Xem thêm Robert E.Keeton & Alan J.Widiss, 1988, Insurance Law 3.5(c) (3), tr.183.

³⁰ Xem phán quyết vụ án Jimenez v. Protective Life Ins. Co., 10 Cal. Rptr. 2d 326 – 334 (Ct.App. 1992) cho rằng quyền lợi được bảo hiểm của chủ nợ đối với việc duy trì cuộc sống của con nợ giới hạn trong khoản nợ, cộng với phí bảo hiểm và tiền lãi phát sinh.

³¹ Xem phán quyết vụ án Mut.Liffe Ins. Co. of N.Y., 584; vụ án Cooper v. Schaeffer, 11 A.548, 549 (Pa.1887).

³² Xem phán quyết vụ án Am.Cas. Co. v. Rose, 340 F.2d 469, 471.

³³ Xem phán quyết vụ án Albrent v. Spencer, 81 N.W.2d 555, 562 (Wis.1957)

³⁴ Xem các phán quyết trong các vụ án US v. Supple – Biddle Hardware Co., 265 U.S.189, 195 (1925) (Company president – Giám đốc công ty); Chapman v. Lipscomb-Ellis Co., 22 S.E.2d 393, 398-99 (Ga.1942) (Corporate Officer and shareholder – Nhân viên doanh nghiệp và cổ đông).

trong một mối quan hệ thay vì liệt kê giới hạn những mối quan hệ như tại khoản 2, Điều 31. Tìm hiểu Đạo luật bảo hiểm tiểu bang New York, Hoa Kỳ³⁵ có đưa ra giải thích khái niệm về quyền lợi có thể được bảo hiểm trong bảo hiểm nhân thọ như sau:

3205(a)(1) Quyền lợi có thể được bảo hiểm được hiểu là:

(A) trong trường hợp người đó có mối quan hệ về huyết thống hoặc được pháp luật thừa nhận, dựa trên tình cảm và sự yêu mến;

(B) trong trường hợp có mối liên hệ về lợi ích kinh tế đối với tính mạng... của người được bảo hiểm.

Về nội dung, có hai nhóm đối tượng được đề cập trong quyền lợi có thể được bảo hiểm trong BHNT. Một là, nhóm người mua bảo hiểm có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với đối tượng được bảo hiểm dựa trên mối quan hệ về hôn nhân, gia đình, nghĩa vụ nuôi dưỡng. Hai là, nhóm người mua bảo hiểm có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với đối tượng được bảo hiểm dựa trên mối quan hệ về lợi ích kinh tế. Ở nhóm này tiêu biểu là mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động, chủ nợ và con nợ, giữa những người có mối quan hệ hợp tác kinh doanh hay thậm chí thực tiễn giao kết bảo hiểm nhân thọ còn ghi nhận tồn tại quyền lợi được bảo hiểm giữa các bên có quan hệ hợp đồng trao đổi lợi ích kinh tế có giá trị lớn...³⁶

Ngoài ra, pháp luật của các nước đều quy định quyền lợi có thể bảo hiểm riêng đối với bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm tài sản. Vì vậy nên tách bạch quyền lợi có thể được bảo hiểm của từng loại HDBH bởi ở mỗi loại HDBH có quyền lợi được bảo hiểm là khác nhau. Kiến nghị sửa đổi quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật KDBH về quyền lợi có thể được bảo hiểm trong bảo hiểm con người nói chung như sau: “Quyền lợi có thể được bảo hiểm trong bảo hiểm con người là quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng hoặc các quyền lợi kinh tế liên quan chặt chẽ đến tính mạng, sức khỏe và sự an toàn của người được bảo hiểm.” Đồng thời, bên cạnh các quy định xác định đối tượng người được bảo hiểm tại tại khoản 2 Điều 31 Luật KDBH, nên bổ sung khoản d) như sau: ... “d) Người khác, nếu

bên mua bảo hiểm có mối quan hệ kinh tế hoặc người đó phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với bên mua bảo hiểm mà cái chết hoặc tình trạng bệnh tật của người đó sẽ ngăn chặn hoặc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ tài sản dẫn đến những tổn thất tài chính đối với bên mua bảo hiểm.”

a. Vấn đề người thụ hưởng và chỉ định người thụ hưởng

Tại khoản 8 Điều 3 Luật KDBH quy định “Người thụ hưởng là tổ chức, cá nhân được bên mua bảo hiểm chỉ định để nhận tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ...”. Tuy nhiên pháp luật chỉ định nghĩa người thụ hưởng mà không hề đặt ra vấn đề là người thụ hưởng có cần phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với người được bảo hiểm hay không.

Trường hợp bên mua bảo hiểm cho chính bản thân mình, bên mua có quyền chỉ định bất kỳ ai là người thụ hưởng của hợp đồng bảo hiểm. Còn trong trường hợp bên mua bảo hiểm và bên được bảo hiểm là các cá nhân khác nhau, tác giả cho rằng cần xem xét việc chỉ định người thụ hưởng và thay đổi người thụ hưởng có cần sự đồng ý của bên được bảo hiểm và khắt khe hơn, tác giả đặt vấn đề về việc tồn tại quyền lợi có thể được bảo hiểm giữa người thụ hưởng và người được bảo hiểm.

Trên thực tế thì bên mua bảo hiểm và người thụ hưởng có thể là cùng một người hoặc có thể là hai người khác nhau. Ví dụ, ông A mua bảo hiểm cho bà B là vợ của ông A và chỉ định đứa con của A và B là người thụ hưởng, tuy nhiên sau đó ông A tự ý thay đổi chỉ định anh C là con ngoài giá thú của mình là người thụ hưởng. Luật KDBH vẫn chưa được quy định một cách rõ ràng đối với vấn đề thay đổi người thụ hưởng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật KDBH thì “*Khi bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho trường hợp chết của người khác thì phải được người đó đồng ý bằng văn bản, trong đó ghi rõ số tiền được bảo hiểm và người thụ hưởng. Mọi trường hợp thay đổi người thụ hưởng phải có sự đồng ý bằng văn bản của bên mua bảo hiểm.*” Như vậy, khi chỉ định người thụ hưởng thì cần phải có sự đồng ý của người được bảo hiểm. Tuy nhiên, khi thay đổi người thụ hưởng, Luật KDBH lại không hề đề cập đến vấn đề cần phải có hay không sự đồng ý của người được bảo hiểm.

Có thể thấy rằng cái chết, hay sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với người được bảo hiểm trong BHNT là một “điều tất yếu” để người thụ hưởng có thể nhận

³⁵ Xem chú thích 18.

³⁶ Peter N. Swisher, *The Insurable Interest Requirement For Life Insurance: A Critical Reassessment*, Drake Law Review, số 477 (2005).

được số tiền bảo hiểm.³⁷ Điều này sẽ không có gì quá khó hiểu nếu xảy ra những trường hợp mà người thụ hưởng sẽ tìm cách để cái chết người được bảo hiểm xảy ra. Chính vì lẽ đó, người thụ hưởng cũng có thể trở thành “mối nguy hại” không thể lường trước được đối với người được bảo hiểm. Trên thực tế, không ít những trường hợp mà người thụ hưởng cố ý giết người được bảo hiểm để nhận được tiền bảo hiểm. Chính vì lẽ đó, pháp luật bảo hiểm của tiểu bang New York, tiểu bang Maryland, tiểu bang Virginia ở Hoa Kỳ³⁸... đã quy định người thụ hưởng phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với người được bảo hiểm. Ví dụ, đạo luật bảo hiểm tiểu bang Maryland Hoa Kỳ quy định liệt kê chi trả số tiền bảo hiểm cho những đối tượng sau: Người được bảo hiểm, người đại diện cho người được bảo hiểm, hoặc một người có quyền lợi được bảo hiểm đối với người được bảo hiểm vào thời điểm ký kết hợp đồng bảo hiểm.³⁹

Tuy nhiên, việc quy định người thụ hưởng phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với người được bảo hiểm sẽ làm hạn chế quyền tự do khi giao kết hợp đồng bảo hiểm của bên mua, và ý chí của bên mua bảo hiểm trong việc chỉ định người thụ hưởng. Đứng trước thực tiễn thị trường bảo hiểm ở Việt Nam đang ở thời kỳ đầu của sự phát triển so với sự phát triển hàng trăm năm ở các nước khác như Hoa Kỳ, hoạt động giao kết hợp đồng bảo hiểm nên khuyến khích lớn hơn sự tự do của các bên, đặc biệt là quyền của bên mua trong việc chỉ định người thụ hưởng trong hợp đồng. Do đó, tác giả cho rằng không nên yêu cầu quyền lợi bảo hiểm trong mối quan hệ giữa người được bảo hiểm và người thụ hưởng. Tác giả kiến nghị nên sửa đổi quy định về việc phải biết của người được bảo hiểm về đối tượng người thụ hưởng trong hợp đồng

BHNT và nhất thiết phải có sự đồng ý của người được bảo hiểm khi thay đổi người thụ hưởng tại đoạn 2 khoản 1 Điều 38 Luật KDBH: “*Mọi trường hợp thay đổi người thụ hưởng phải có sự đồng ý bằng văn bản của bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm.*”

b. Vấn đề chấm dứt quyền lợi có thể được bảo hiểm

Căn cứ vào quy định của Luật KDBH thì có thể suy luận rằng quyền lợi có thể được bảo hiểm trong HĐBH con người sẽ chấm dứt trong một số trường hợp khi bên mua bảo hiểm chấm dứt quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với đối tượng được bảo hiểm.⁴⁰

Xem xét tình huống sau: Anh A - người chồng, trong thời kỳ hôn nhân đã mua bảo hiểm nhân thọ trọn đời cho vợ mình - chị B. Tuy nhiên, chín năm sau đó hai người ly hôn. Lúc này, bên mua bảo hiểm - anh A không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm. Cho nên, hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt và hậu quả pháp lý được giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật KDBH. Việc chấm dứt hợp đồng sẽ gây ra nhiều thiệt hại về mặt kinh tế cho bên mua bảo hiểm và cũng không thật sự hợp lý khi phải chấm dứt hợp đồng nếu bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm trong bảo hiểm nhân thọ bởi vì mặc dù quan hệ hôn nhân chấm dứt và giả định không tồn tại quan hệ nuôi dưỡng giữa anh A và chị B nhưng cả hai đều có nguyện vọng tiếp tục hợp đồng bảo hiểm sau thời kỳ hôn nhân để thụ hưởng những lợi ích từ hợp đồng bảo hiểm đã giao kết bao gồm lợi ích bù đắp tổn thất nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra, và lợi ích tích lũy tài chính từ hợp đồng bảo hiểm. Luật KDBH Việt Nam chưa dự liệu cho trường hợp này. Trong tình huống này, Luật KDBH nên chấp nhận việc tiếp tục thực hiện hợp đồng bảo hiểm nói trên theo ý chí của các bên trong hợp đồng bảo hiểm chứ không nên chấm dứt hợp đồng bảo hiểm. Vì vậy, tác giả kiến nghị sửa đổi khoản 1 Điều 23 như sau:

“Điều 23. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm

Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự, hợp đồng bảo hiểm còn chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm, trừ trường hợp bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản để tiếp tục thực hiện hợp đồng bảo hiểm.”

³⁷ Michael Burton, 2016, *Who can I name as my life insurance beneficiary?*, dẫn theo <http://fiduciarylife.com/life-insurance-beneficiary-rules-exceptions/>, truy cập ngày 11/08/2018.

³⁸ Nội dung nguyên văn các đạo luật bảo hiểm: N.Y. Insurance Law Section 3205 : “*No person shall cause to be insured the life of another, unless the beneficiary named...has an insurable interest in the life of the insured.*”; VA. Code ANN. Section 38.2-301 (A) : “*No person shall knowingly procure or cause to be procured any insurance contract upon another individual unless the benefits under the contract are payable to ...a person having an insurable interest in the insured at the time when the contract was made.*”

³⁹ Xem thêm Đạo luật bảo hiểm tiểu bang Maryland 2016. Nguyên văn: Maryland Insurance Section 12-201... *the benefits under the insurance contract are payable to: (i) the individual insured; (ii) the individual insured's personal representative; or (iii) a person with an insurable interest in the individual insured at the time the insurance contract was made*, dẫn theo <https://law.justia.com/codes/maryland/2005/gin/12-201.html>, truy cập ngày 13/09/2018.

⁴⁰ Xem khoản 1 Điều 23 Luật KDBH Việt Nam.

Trên đây là những phân tích bất cập đối với quy định về quyền lợi có thể được bảo hiểm trong BHNT và đề xuất sửa đổi quy định trong Luật KDBH Việt Nam. Việc hoàn thiện quy định pháp luật về quyền lợi có thể được bảo hiểm đóng vai trò rất quan trọng để các bên thực hiện việc giao kết hợp đồng BHNT, sẽ thúc đẩy các bên tham gia giao kết hợp đồng bảo hiểm trong khuôn khổ pháp luật đầy đủ, hợp lý và phù hợp với thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ luật dân sự 2015
- [2] Luật hôn nhân gia đình 2014
- [3] Luật kinh doanh bảo hiểm 2000, sửa đổi bổ sung 2010
- [4] Nguyễn Thị Hải Đường, 2006, “Một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam”, Luận án Tiến sỹ kinh tế, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Văn Định, 2008, Giáo trình Bảo hiểm, Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội
- [6] Phí Thị Quỳnh Nga, 2006, “Bất cập trong quy định về chuyên nhượng hợp đồng bảo hiểm”, *Nghiên cứu lập pháp*, số 21(94), tr.44 – tr.45.
- [7] Trần Vũ Hải, 2006, “Một số vấn đề pháp lý về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ”, *Tạp chí Luật học*, số 7, tr.8 – tr.13.
- [8] Australia, Life Insurance Act 1995
- [9] Maryland Insurance Code 2016
- [10] New Zealand, Insurance Companies (Ratings and Inspections) Act 1994.
- [11] New York Insurance Law 2000
- [12] UK Life Assurance Act 1774
- [13] Bryan A.Garner, 1999, Black’s Law Dictionary, Nxb.West Publishing Co., Hoa Kỳ.
- [14] Emeric Fischer, t.g.k ,2012, Principles of Insurance Law, xuất bản lần 4, Nxb. LexisNexis.
- [15] John Birds and Norma J.Hird, 2004, Modern Insurance Law, Nxb.Sweet & Maxwell Press, London, U.K.
- [16] Peter N.Swisher, 2005, The Insurable Interest Requirement For Life Insurance: A Critical Reassessment, *Drake Law Review*, số 477.
- [17] Pietro Masci, 2011, The History of Insurance: Risk, Uncertainty and Entrepreneurship”, *Journal of the Washington Institute of China Studies*; Vol 6, No 1.
- [18] Robert H. Jerry, t.g.k, 2012, Understanding Insurance Law, xuất bản lần 5, Nxb. LexisNexis.

Suggestions to modify Vietnam's legal provisions on the insurable interest in life insurance

Bach Thi Nha Nam

University of Economics and Law
Corresponding author: nambtn@uel.edu.vn

Received: 23-8-2018; Accepted: 25-10-2018; Published: 24-11-2018.

Abstract—The insurable interest in life insurance is a core principle for the parties to enter into an insurance contract. In case the policyholder does not have insurable interest to the insured, the life insurance contract will become invalid or the life insurance contract will terminate when the policyholder no longer has insurable interest in accordance with Vietnam Insurance Business Law. The practice of life insurance contract performance has raised many issues related to the insurable interest that Vietnam Insurance Business Law has not

mentioned or are still lacking. Therefore, the legal provisions on insurable interest are covered with many shortcomings, and inconsistent with the practice of insurance business. On the basis of analysis of caselaw and insurance statutes in US jurisdiction, the author proposes to modify the legal provisions on the insurable interest stipulated in the Vietnam Insurance Business Law..

Keywords—Insurable interest, life insurance, insurance business, legal law, insurance law, US...